

Hải Phòng, ngày 27 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
(6 tháng đầu Năm 2023)

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Các quý cổ đông của Công ty.

Căn cứ Khoản 4 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Tiết b Khoản 1 Điều 11 Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội,

Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng xin được công bố báo cáo tình hình quản trị Công ty 06 tháng đầu năm 2023 như sau:

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 0225.3.745.377 Fax: 0225.3.823.748 Email: cnhp@vnn.vn
- Vốn điều lệ: 742.069.400.000 đồng

Trong đó cổ đông nhà nước (UBND Thành phố Hải Phòng) nắm giữ 59.797.840 CP, chiếm 80,58% vốn điều lệ.

- Mã chứng khoán: HPW
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
	Nghị quyết số 161/NQ-ĐHĐCĐ-2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	20/4/2023	- Thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty;

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC; - Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2022; Kế hoạch hoạt động năm 2023; - Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023; - Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2022; - Thông qua mức chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; - Thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng; - Thông qua kết quả miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng nhiệm kỳ 2020-2025.

II. Hội đồng quản trị:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Trần Việt Cường	Chủ tịch HĐQT	03/6/2020	
2	Ông Trần Văn Dương	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty	03/6/2020	
3	Ông Cao Văn Quý	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc TT	20/4/2023	
4	Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	20/4/2023	
5	Ông Đặng Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	20/4/2023	
6	Ông Vũ Hồng Dương	Thành viên HĐQT		20/4/2023
7	Ông Nguyễn Đăng Ninh	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty		20/4/2023

2. Các cuộc họp HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Việt Cường	19	100%	
2	Ông Trần Văn Dương	19	100%	
3	Ông Cao Văn Quý	9	47%	Bổ nhiệm từ ngày 20/4/2023
4	Ông Trịnh Anh Tuấn	9	47%	Bổ nhiệm từ ngày 20/4/2023
5	Ông Đặng Hữu Dũng	19	100%	
6	Ông Vũ Hồng Dương	10	53%	Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2023
7	Ông Nguyễn Đăng Ninh	10	53%	Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2023

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Các thành viên HĐQT thường xuyên trực tiếp kiểm tra công tác điều hành SXKD trên các lĩnh vực được phân công, tích cực giám sát và chỉ đạo Ban giám đốc Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ được giao thông qua việc:

- Giám sát đầy đủ các hoạt động của Ban giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Giám đốc.

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu trong tháng, quý.

- Yêu cầu Ban giám đốc thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT và khi có yêu cầu. Từ đó đưa ra các chỉ đạo giúp cho hoạt động SXKD của Công ty có hiệu quả.

- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những chỉ đạo, kiến nghị thiết thực giúp Ban giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ và HĐQT giao.

- Tích cực tham gia vào các buổi họp giao ban và các buổi họp khác của Ban giám đốc nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không có

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:



TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Số 147/QĐ- HDQT	03/3/2023	Quyết định thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và các tiểu ban liên quan	100%
2	Số 148/QĐ- HDQT	03/3/2023	Quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
3	Số 164/QĐ- HDQT	24/4/2023	Quyết định về việc miễn nhiệm và cử người đại diện theo uỷ quyền quản lý vốn đầu tư và điều chuyển số cổ phần đại diện tại Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng	100%
4	Số 168/QĐ- HDQT	25/4/2023	Quyết định chi trả thù lao HDQT, BKS, BTK năm 2023	100%
5	Số 169/QĐ- HDQT	25/4/2023	Quyết định về việc phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị	100%
6	Số 173/QĐ- HDQT	31/5/2023	Quyết định thành lập Hội đồng xử lý nợ	100%

III. Ban kiểm soát:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Lê Thị Hương	Trưởng Ban Kiểm soát	03/06/2020	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
2	Đỗ Thị Thanh Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	03/06/2020	Cử nhân kinh tế
3	Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên Ban kiểm soát	03/06/2020	Cử nhân tài chính ngân hàng

2. Cuộc họp của BKS:

TT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Lê Thị Hương	03	100%	100%	
2	Đỗ Thị Thanh Diệp	03	100%	100%	
3	Nguyễn Minh Hoàng	03	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HDQT, BGĐ điều hành và cổ đông:

Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của HDQT, Ban điều hành và hoạt động SXKD của Công ty thông qua việc tham dự, đóng góp ý kiến tại các phiên họp HDQT và Ban lãnh đạo Công ty, giám sát việc thực hiện hoạt động SXKD thông qua các báo cáo tình hình tài chính, tình hình hoạt động hàng quý, năm của Công ty.

Ban kiểm soát thực hiện xem xét, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính năm 2022 và quý 1/2023.

Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi các vấn đề phát sinh liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ban.

Ban kiểm soát tham gia và có ý kiến đóng góp tại các cuộc họp HĐQT thường kỳ hàng quý, họp giao ban hàng tháng.

Ban kiểm soát đã tham gia góp ý trong việc xây dựng, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định nội bộ của công ty.

Nội dung chủ yếu của các phiên họp Ban kiểm soát bao gồm:

- Xem xét báo cáo tài chính quý 4/2022; BCTC năm 2022 và chuẩn bị tài liệu, báo cáo trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty; xem xét BCTC quý 1/2023.

- Thông qua báo cáo tài chính, báo cáo kết quả tình hình hoạt động SXKD và các báo cáo định kỳ của HĐQT, Ban điều hành. Đánh giá hiệu quả quản lý, hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và tình hình SXKD của Công ty năm 2022 và quý 1/2023

- Xem xét tính hợp lý, hợp pháp, tính hệ thống nhất quán và phù hợp của Công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2022 và quý 1 năm 2023.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- BKS đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát.

- HĐQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS.

- Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD.

- HĐQT, BKS, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động SXKD.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có

IV. Ban điều hành (Các thành viên không bao gồm Kế toán trưởng)

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Trần Văn Dương – Tổng giám đốc	07/03/1970	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Kỹ sư xây dựng ngành cấp thoát nước - Môi trường nước	01/10/2022

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm
2	Ông Cao Văn Quý – Phó Tổng giám đốc TT	10/09/1973	Thạc sĩ kỹ thuật công nghệ nước và nước thải - Kỹ sư xây dựng ngành cấp thoát nước	10/10/2022
3	Ông Trịnh Anh Tuấn – Phó Tổng giám đốc	03/10/1971	Kỹ sư xây dựng - Môi trường nước Cấp thoát nước - Kỹ sư xây dựng - xây dựng dân dụng công nghiệp	01/04/2020
4	Ông Nguyễn Danh Quân – Phó Tổng giám đốc	19/05/1981	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh- Kỹ sư xây dựng ngành môi trường nước - cấp thoát nước	15/11/2022

V. Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Đăng Ninh	29/10/1976	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh- Cử nhân kinh tế kế toán-Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh-Cử nhân Ngoại ngữ tiếng Anh	01/04/2020

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Trong 6 tháng đầu năm 2023, các thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành, Kế toán trưởng, Ban Thư ký và các bộ quản lý khác của Công ty được tạo điều kiện tham dự các chương trình đào tạo thuộc các lĩnh vực liên quan.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan (NCLQ) của công ty

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản GD CK	Chức vụ	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là NCLQ	Thời điểm không còn là NCLQ	Lý do	Mối quan hệ
1	Trần Việt Cường		Chủ tịch HĐQT (Người đại diện theo pháp luật)	Số CCCD: 031074007175, cấp ngày 23/5/2019 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư	Số 1/78 Trần Nguyễn Hãn, Lê Chân, Hải Phòng	03/06/2020			Người nội bộ, Người đại diện phần vốn Nhà nước

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản GD CK	Chức vụ	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là NCLQ	Thời điểm không còn là NCLQ	Lý do	Mối quan hệ
2	Trần Văn Dương		Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty	Số CCCD: 031070004759, Ngày cấp: 18/01/2018, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 6/183 Đà Nẵng, Lạc Viên, Ngõ Quyền, Hải Phòng	03/06/2020			Người nội bộ, Người đại diện phần vốn Nhà nước
3	Đặng Hữu Dũng		Thành viên HĐQT	Số CMND: 030141876 do Công an Hải Phòng cấp ngày 08/02/2006	Tổ 30 khu 5, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng	20/4/2023			Người nội bộ
4	Nguyễn Đăng Ninh		Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán	Số CCCD: 031076001176, Ngày cấp: 15/05/2015, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 7/77 Hoàng Ngọc Phách, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP Hải Phòng	03/06/2020			Người nội bộ, Người đại diện phần vốn Nhà nước
5	Cao Văn Quý		Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực	Số CCCD: 031073005575, Ngày cấp: 13/4/2018, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Thôn 2, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	10/10/2022			Người nội bộ, Người đại diện phần vốn Nhà nước
6	Trịnh Anh		Thành viên HĐQT,	Số CCCD: 031071005071, Ngày cấp:	Số 10/5 Phù Đổng,	20/4/2023			Người nội bộ

712
 T. TY
 AN
 SJC
 ONG
 PHAI

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản GD CK	Chức vụ	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là NCLQ	Thời điểm không còn là NCLQ	Lý do	Mối quan hệ
	Tuấn		Phó Tổng Giám đốc	12/01/2018, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	phường Minh Khai, Hồng Bàng, TP Hải Phòng				
7	Vũ Hồng Duong		Thành viên HDQT	Số CCCD: 030058000035, Ngày cấp: 18/07/2014, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 7 khu nhà ở ven hồ Phuong Luu, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Ngô Quyên, Hải Phòng.		20/4/2023	Miễn nhiệm Thành viên HDQT	Người nội bộ
8	Nguyễn Danh Quân		Phó Tổng Giám đốc	Số CCCD: 031081001822, Ngày cấp: 16/7/2015, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 14 Hải Phong, TDP số 2, p. Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng	15/11/2022			Người nội bộ
9	Lê Thị Hương		Trưởng Ban kiểm soát	Số CMND 031184001296 cấp ngày 29/1/2015; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 22/70 Lạch Tray, quận Ngô Quyên, Thành phố Hải Phòng	03/06/2020			Người nội bộ, Người đại diện phần vốn Nhà nước
10	Đỗ Thị Thanh Diệp		Thành viên Ban kiểm soát	Số CMND: 031938068; ngày cấp 02/07/2012; Nơi cấp: Công	9/26 – Trung Hành 5 – Đặng Lâm –	03/06/2020			Người nội bộ

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản GD CK	Chức vụ	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là NCLQ	Thời điểm không còn là NCLQ	Lý do	Mối quan hệ
				an Hải Phòng	Hải An – Hải Phòng.				
11	Nguyễn Minh Hoàng		Thành viên Ban kiểm soát	CMND số 031089002169 cấp ngày 22/09/2015 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	6/1C/174 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng	03/06/2020			Người nội bộ
12	Đình Xuân Hà		Người được ủy quyền công bố thông tin	CCDC số 03108200785, Ngày cấp 09/11/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phòng 302, Lô L7-B9, Chung cư Hoàng Huy, An Đồng, An Dương, Hải Phòng	01/11/2020			Người nội bộ
13	Lã Thị Thu Huyền		Thành viên Ban Thư ký Công ty	Số CMND 031571677 do công an Hải Phòng cấp ngày 09/11/2011	Số 17B/186 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng	01/01/2021			Người nội bộ
14	Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng			Mã số doanh nghiệp 0200933035 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/06/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/5/2023	Thôn Do Nhã, xã Tân Tiến, huyện An Dương, TP Hải Phòng				Công ty con



2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng	Công ty con	Mã số doanh nghiệp 0200933035 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/06/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/5/2023	Thôn Do Nhã, xã Tân Tiến, huyện An Dương, TP Hải Phòng	6 tháng đầu Năm 2023	Mua bán nước sạch tổng giá trị giao dịch là 3.804.872.400 đồng (bao gồm cả VAT)	

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
1	Trần Việt Cường	Chủ tịch HĐQT (người đại)	Số CCCD: 031074007175, cấp ngày	Số 1/78 Trần Nguyễn Hân, Lê Chân, Hải	100.000 CP	29.743.080 CP	40,22 %	Người đại diện

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
		diện theo pháp luật)	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư	Phòng				vốn nhà nước
1.1	Trần Ngọc Thường	Bố đẻ của Ông Trần Việt Cường	Số CMND: 030064505 do Công an Hải Phòng cấp ngày 19/5/2014	1/78 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	
1.2	Phạm Thị Chuyên	Mẹ đẻ của Ông Trần Việt Cường	Số CMND: 030106187 do Công an Hải Phòng cấp ngày 12/2/2014	1/78 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	
1.3	Đàm Thúy Nga	Vợ của Ông Trần Việt Cường	Số CMND: 030953408 do Công an Hải Phòng cấp 13/2/2012	Số 266 Lô 9 Mở rộng, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng	-	-	-	
1.4	Trần Thúy Châu	Con gái của Ông Trần Việt Cường	Số CCCD: 031303006548, Ngày cấp: 23/5/2019, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội	Số 266 Lô 9 Mở rộng, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng	-	-	-	
2	Trần Văn Dương	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty	Số CCCD: 031070004759, Ngày cấp: 18/01/2018, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 6/183 Đà Nẵng, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng	165.000 CP	15.027.37 9 CP	20,47 %	Người đại diện vốn nhà nước
2.1	Trần Văn Sử	Anh trai của Ông Trần Văn Dương	Số CCCD: 031055000799, Ngày cấp: 02/07/2015, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phúc Hải 1, Đa Phúc, Dương Kinh, Hải Phòng	-	-	-	
2.2	Trần Thị Lượng	Chị gái của Ông Trần Văn Dương	Số CMND: 030466441, Ngày cấp: 27/04/2011, Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Phúc Hải 1, Đa Phúc, Dương Kinh, Hải Phòng	-	-	-	
2.3	Trần	Anh trai của	Số CCCD: 031060005069,	Phúc Hải 1, Đa Phúc,	-	-	-	

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
	Văn Đông	Ông Trần Văn Dương	Ngày cấp: 07/02/2018, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Dương Kinh, Hải Phòng				
2.4	Trần Văn Minh	Anh trai của Ông Trần Văn Dương	Số CMND: 025000053, Ngày cấp: 29/07/2008, Nơi cấp: Công an TP. Hồ Chí Minh	Số 195/18D, Điện B.Phủ, P15, BI, TP. Hồ Chí Minh	-	-	-	
2.5	Trần Thị Lân	Chị gái của Ông Trần Văn Dương	Số CMND: 030738793, Ngày cấp: 02/03/2011, Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Phúc Hải 1, Đa Phúc, Dương Kinh, Hải Phòng	-	-	-	
2.6	Trần Văn Độ	Anh trai của Ông Trần Văn Dương	-	Định cư bên Đức	-	-	-	
2.7	Trần Thị Hồng Hiệp	Vợ của Ông Trần Văn Dương	Số CCCD: 001171014810, Ngày cấp: 18/01/2018, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 6/183 Đà Nẵng, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng	-	-	-	
2.8	Trần Thanh Xuân	Con gái của Ông Trần Văn Dương	Số CMND: 031941506, Ngày cấp: 05/07/2012, Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 6/183 Đà Nẵng, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng	-	-	-	
2.9	Trần Mai Anh	Con gái của Ông Trần Văn Dương	Số CCCD: 031302005064, Ngày cấp: 18/01/2018, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 6/183 Đà Nẵng, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng	-	-	-	
2.10	Phạm Thị Lý	Chị dâu của Ông Trần Văn Dương		Phúc Hải 1, Đa Phúc, Dương Kinh, Hải Phòng	-	-	-	
2.11	Phạm Văn Tờ	Anh rể của Ông Trần Văn Dương		Phúc Hải 1, Đa Phúc, Dương Kinh, Hải Phòng	-	-	-	

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
2.12	Đặng Thị Đán	Chị dâu của Ông Trần Văn Dương		Phúc Hải 1, Đa Phúc, Dương Kinh, Hải Phòng	-	-	-	
2.13	Vũ Thị Dung	Chị dâu của Ông Trần Văn Dương		Số 195/18D, Điện B.Phủ, P15, BI, TP. HỒ Chí Minh	-	-	-	
2.14	Thái Văn Thành	Anh rể của Ông Trần Văn Dương		Phúc Hải 1, Đa Phúc, Dương Kinh, Hải Phòng	-	-	-	
2.15	Bùi Thị Bình	Chị dâu của Ông Trần Văn Dương		Định cư bên Đức	-	-	-	
3	Đặng Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	Số CMND: 030141876 do Công an Hải Phòng cấp ngày 08/02/2006	Tổ 30 khu 5 , Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê châu, TP. Hải Phòng	86.400 CP	-	0,12%	
3.1	Nguyễn Thị Tuất	Mẹ đẻ của Ông Đặng Hữu Dũng	Số CMND: 030110992 do công an Hải Phòng cấp ngày 25/05/2009.	Số 65/11 Miếu Hai Xã, P. đư Hàng, Lê châu, HP	-	-	-	
3.2	Đỗ Thị Mai Hương	Vợ của Ông Đặng Hữu Dũng	Số CMND: 031491483 do công an Hải Phòng cấp ngày 08/02/2006.	Tổ 30 khu 5 , Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê châu, TP. Hải Phòng	73.000 CP	-	0,1%	
3.3	Đặng Ngọc Linh	Con gái của Ông Đặng Hữu Dũng	Số CCCD: 031188000566 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 30/01/2015.	Tổ 30 khu 5 , Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê châu, TP. Hải Phòng	10.000 CP	-	0,01%	
3.4	Đặng Thị Nga	Chị gái của Ông Đặng Hữu Dũng	Số CCCD: 031159006275 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/01/2020.	Số 8 lô 92 Tam Bạc, p. Phạm Hồng Thái, Hồng Bàng, HP	-	-	-	

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
3.5	Đặng Hữu Toàn	Em trai của Ông Đặng Hữu Dũng	Số CMND: 030690358 do công an Hải Phòng cấp ngày cấp 22/12/2010.	Số 79A Thụ Trung 2, p. Đằng Lâm, Hải An, HP	17.000 CP	-	0,02%	
3.6	Đặng Việt Sơn	Em trai của Ông Đặng Hữu Dũng	Số CCCD: 031070006634 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 12/06/2019.	Số 990 Nguyễn Bình Khiêm Tổ 17 Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng	-	-	-	
3.7	Đặng Minh Tuấn	Em trai của Ông Đặng Hữu Dũng	Số CMND: 030651155 do công an Hải Phòng ngày cấp 03/04/2009.	Số 33 Nguyễn Bình, p. Kênh Dương, Lê Chân, HP	-	-	-	
3.8	Phạm Đức Chung	Anh rể của Ông Đặng Hữu Dũng	Số CMND: 030775765; Ngày cấp: 25/02/2009; Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 8 Lô 92 Tam Bạc, Hải Phòng	20.000 CP	-	-	
3.9	Trần Thị Thủy	Em dâu của Ông Đặng Hữu Dũng	Số CMND: 030982755; Ngày cấp: 18/7/2012; Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 79A Thụ Trung 2, p. Đằng Lâm, Hải An, HP	-	-	-	
3.10	Nguyễn Thị Liên	Em dâu của Ông Đặng Hữu Dũng	Số CCCD: 031173002025; Ngày cấp: 19/5/2016; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 990 Nguyễn Bình Khiêm Tổ 17 Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng	-	-	-	
3.11	Nguyễn Thị Liên	Em dâu của Ông Đặng Hữu Dũng	Số CMND: 030699235; Ngày cấp: 03/4/2009; Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 33 Nguyễn Bình, p. Kênh Dương, Lê Chân, Hải Phòng.	-	-	-	

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
4	Nguyễn Đặng Ninh	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán	Số CCCD: 031076001176, Ngày cấp: 15/05/2015, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 7/77 Hoàng Ngọc Phách, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng	121.100 CP	7.606.451 CP	10,4 %	Người đại diện vốn nhà nước
4.1	Nguyễn Định	Bố đẻ của Ông Nguyễn Đặng Ninh	Số CMND: 030045925, Ngày cấp: 02/03/2005, Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Tổ 1, khu 6, Quán Toan, Hải Phòng	-	-	-	
4.2	Nguyễn Thị Huệ	Mẹ đẻ của Ông Nguyễn Đặng Ninh	Số CCCD: 030151001778, Ngày cấp: 26/02/2019, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Tổ 1, khu 6, Quán Toan, Hải Phòng	-	-	-	
4.3	Vũ Thị Phương Thúy	Mẹ vợ của Ông Nguyễn Đặng Ninh	Số CCCD: 031148000589; Ngày cấp: 15/01/2016, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Tổ dân phố số 1 Thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng	-	-	-	
4.4	Nguyễn Hải Đặng	Em trai của Ông Nguyễn Đặng Ninh	Số CMND: 031146632, Ngày cấp 16/01/2008, Nơi cấp: công an Hải Phòng	Tổ 1, khu 6, Quán Toan, Hải Phòng	10.000 CP	-	0,013 %	
4.5	Trần Thị Ngọc Liên	Vợ của Ông Nguyễn Đặng Ninh	Số CMND: 031177000854, Ngày cấp: 15/5/2015, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 7/77 Hoàng Ngọc Phách, P. Kênh Dương, Q.Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	
4.6	Nguyễn Thành Vinh	Con trai của Ông Nguyễn Đặng Ninh	Số CCCD: 031203000888, Ngày cấp: 16/01/2018, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 7/77 Hoàng Ngọc Phách, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
4.7	Nguyễn Đức Thành	Con trai của Ông Nguyễn Đặng Ninh	Còn nhỏ chưa làm CMND	Số 7/77 Hoàng Ngọc Phách, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	
4.8	Bùi Thanh Trang	Em dâu của Ông Nguyễn Đặng Ninh	Số CMND: 031712573; Ngày cấp: 12/3/2008; Nơi cấp: công an Hải Phòng	Tổ 1, khu 6, Quán Toan, Hải Phòng	-	-	-	
5	Cao Văn Quý	Thành viên HDQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng	Số CCCD: 031073005575, Ngày cấp: 13/4/2018, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Thôn 2, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	150.000 CP	3.710.466 CP	5,20%	Người đại diện vốn nhà nước
5.1	Phạm Thị Nhuong	Mẹ đẻ của Ông Cao Văn Quý	Số CMND: 030373076, Ngày cấp: 07/04/2011, Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Lâm Động, Thủy Nguyên, Hải Phòng	-	-	-	
5.2	Cao Trọng Tuấn	Anh trai của Ông Cao Văn Quý	Số CCCD: 031054002441, Ngày cấp: 25/07/2017; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	5B/5 CT2 A1, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng	-	-	-	
5.3	Cao Thị Thúy	Chị gái của Ông Cao Văn Quý	Số CCCD: 031157001520, Ngày cấp: 16/5/2016, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 6/88 Trần Quang Khải, Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng	-	-	-	
5.4	Cao Văn Minh	Anh trai của Ông Cao Văn Quý	Số CMND: 030373077, Ngày cấp: 02/01/2008, Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 3/5B Phạm Phú Thứ, Hải Phòng	-	-	-	
5.5	Cao Thị Ngân	Chị gái của Ông Cao Văn Quý	Số CMND: 030373011, Ngày cấp: 13/10/2010, Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 27/166 Nguyễn Công Trứ, Lê Chân, Hải Phòng	3.200 CP	-	0,0043 %	

ST T	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
5.6	Cao Văn Thân	Anh trai của Ông Cao Văn Quý	Số CCCD: 031065003609, Ngày cấp: 29/6/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	25/166 Nguyễn Công Trứ, Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	
5.7	Đàm Thị Thu Hà	Vợ của Ông Cao Văn Quý	Số CCCD: 031177004919, Ngày cấp: 13/4/2018, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Thôn 2, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	-	-	-	
5.8	Cao Tiến Hiệp	Con trai của Ông Cao Văn Quý	Số CCCD: 031202007301, Ngày cấp: 14/3/2019, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Đội 2, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	-	-	-	
5.9	Cao Hà Chi	Con gái của Ông Cao Văn Quý	Còn nhỏ chưa làm CMND	Thôn 2, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	-	-	-	
5.1 0	Đàm Xuân Lũy	Anh rể của Ông Cao Văn Quý	Số CCCD: 031053000919, Ngày cấp: 17/5/2016, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Số 6/88 Trần Quang Khải, Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng	-	-	-	
5.1 1	Đào Văn Năm	Anh rể của Ông Cao Văn Quý	Số CCCD: 031060005058, Ngày cấp: 01/02/2018; Nơi cấp: Cục cảnh sát QL hành chính về trật tự XH	Số 27/166 Nguyễn Công Trứ, Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	
5.1 2	Nguyễn Thị Dung	Chị dâu của Ông Cao Văn Quý	Số CMND: 030335755; Ngày cấp: 16/4/2014; Nơi cấp: Công an Hải Phòng	5B/5 CT2 A1, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng	-	-	-	
5.1 3	Bùi Thị Tĩnh	Chị dâu của Ông Cao Văn Quý	Số CMND: 030024494; Ngày cấp: 12/10/2005;	Số 3/5B Phạm Phú Thứ, Hải Phòng	4.300 CP	-	0.0058 %	

ST T	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
			Nơi cấp: Công an Hải Phòng					
5.1 4	Ngô Thị Thủy Huệ	Chị dâu của Ông Cao Văn Quý	Số CMND: 031170003678; Ngày cấp: 30/6/2017; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	25/166 Nguyễn Công Trứ, Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	
6	Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HDQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng	Số CCCD: 031071005071, Ngày cấp: 12/01/2018, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 10/5 Phù Đông, phường Minh Khai, Hồng Bàng, TP Hải Phòng	35.000 CP	-	0,05%	
6.1	Trịnh Đắc Tề	Bố đẻ của Ông Trịnh Anh Tuấn	Số CMND: 030082035, Nơi cấp: công an Hải Phòng	233C Trần Nguyễn Hãn, Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	
6.2	Nguyễn Thị Ngọc	Mẹ đẻ của Ông Trịnh Anh Tuấn	Số CMND: 030082038, Nơi cấp: công an Hải phòng	Số 233C Trần Nguyễn Hãn, Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	
6.3	Trần Bá Đặng	Bố vợ của Ông Trịnh Anh Tuấn	Số CMND: 031054000213, Ngày cấp: 15/10/2014; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Thôn Chùa, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	-	-	-	
6.4	Đào Thị Thu	Mẹ vợ của Ông Trịnh Anh Tuấn	Số CMND: 031935629; Ngày cấp: 04/6/2012; Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Thôn Chùa, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	-	-	-	
6.5	Trịnh Hong Văn	Em trai của Ông Trịnh Anh Tuấn	Số CMND: 031030362, Ngày cấp: 11/07/2003, Nơi cấp: công an Hải Phòng	Số 233C Trần Nguyễn Hãn, Lê Chân, Hải Phòng	15.000 cổ phần	-	0,02%	
6.6	Trần Thị Hiền	Vợ của Ông Trịnh Anh Tuấn	Số CMND: 031330734, Ngày cấp: 11/04/2008, Nơi cấp: công an Hải Phòng	Số 10/5 Phù Đông, phường Minh Khai, Hồng Bàng, TP Hải Phòng	5.000 cổ phần	-	0,01%	
6.7	Trịnh Phương	Con gái của Ông Trịnh	Số CMND: 031303004298,	Số 10/5 Phù Đông, phường	-	-	-	

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
	Linh	Anh Tuấn	ngày cấp: 11/07/2018, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Minh Khai, Hồng Bàng, TP Hải Phòng				
6.8	Trịnh Thảo Linh	Con gái của Ông Trịnh Anh Tuấn	Còn nhỏ chưa làm CMND	Số 10/5 Phù Đổng, phường Minh Khai, Hồng Bàng, TP Hải Phòng	-	-	-	
6.9	Nguyễn Thị Hồng Vân	Em dâu của Ông Trịnh Anh Tuấn	Số CMND: 031124594, ngày cấp: 22/01/2008, Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 233C Trần Nguyên Hân, Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	
7	Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng	Số CCCD: 031081001822, Ngày cấp: 16/7/2015, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 14 Hải Phong, TDP số 2, p. Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng	43.500 CP	-	0.06%	
7.1	Nguyễn Danh Quân	Bố đẻ của Ông Nguyễn Danh Quân	Số CCCD: 031051007538, Ngày cấp: 16/8/2021, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 33 Thọ Xuân, thị trấn Núi Đồi, Kiến Thụy, Hải Phòng	-	-	-	
7.2	Vũ Thị Tuất	Mẹ đẻ của Ông Nguyễn Danh Quân	Số CCCD: 031158006373, Ngày cấp: 25/4/2021, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 33 Thọ Xuân, thị trấn Núi Đồi, Kiến Thụy, Hải Phòng	-	-	-	
7.3	Đỗ Thị Thúy	Mẹ vợ của Ông Nguyễn Danh Quân	Số CCCD: 031155000846, Ngày cấp: 09/5/2021, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 142 Hải Phong, TDP số 1, p. Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng	-	-	-	
7.4	Vũ Thị Hồng Nhật	Vợ của Ông Nguyễn Danh Quân	Số CCCD: 031183002548, Ngày cấp: 21/8/2015, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 14 Hải Phong, TDP số 2, p. Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng	7.000	-	0,0094 %	

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
7.5	Nguyễn Vũ Anh Thư	Con gái của Ông Nguyễn Danh Quân	Số CCCD: 031308000286, Ngày cấp: 18/9/2022, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 14 Hải Phong, TDP số 2, p. Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng	-	-	-	
7.6	Nguyễn Nhật Nam	Con trai của Ông Nguyễn Danh Quân	Còn nhỏ	Số 14 Hải Phong, TDP số 2, p. Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng	-	-	-	
7.7	Nguyễn Thế Dân	Em trai của Ông Nguyễn Danh Quân	Số CMND 002082000006 cấp ngày 27/10/2014; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 43, ngõ 827 Phạm Văn Đồng, tổ 2B, p. Hải Thành, Dương Kinh, Hải Phòng	-	-	-	
7.8	Đoàn Nhu Quỳnh	Em dâu của Ông Nguyễn Danh Quân	Số CCCD 031189000585 cấp ngày 25/12/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Số 43, ngõ 827 Phạm Văn Đồng, tổ 2B, p. Hải Thành, Dương Kinh, Hải Phòng	-	-	-	
8	Lê Thị Hương	Trưởng Ban kiểm soát	Số CMND 031184001296 cấp ngày 29/1/2015; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 22/70 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	15.000 CP	3.710.464 CP	5,02%	Người đại diện vốn nhà nước
8.1	Lê Văn Huệ	Bố đẻ của Bà Lê Thị Hương	Số CMND 031621735 cấp ngày 17/12/2006 tại CA Hải Phòng	Số 82 Lý Thánh Tông, quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng	4.000	-	0,005 %	
8.2	Đinh Thị Hoa	Mẹ đẻ của Bà Lê Thị Hương	Số CMND 030259584 cấp ngày 25/7/2012 tại CA Hải Phòng	Số 82 Lý Thánh Tông, quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng	-	-	-	
8.3	Phạm Văn Mạc	Bố chồng của Bà Lê Thị Hương		Số 32 Đường Thanh Niên, Đồ Sơn, Hải Phòng	-	-	-	

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
8.4	Hoàng Thị Xiêm	Mẹ chồng của Bà Lê Thị Hương		Số 32 Đường Thanh Niên, Đồ Sơn, Hải Phòng	-	-	-	
8.5	Lê Thị Thu Trang	Chị gái của Bà Lê Thị Hương	Số CMND 031181001466 Cấp ngày 19/05/2015 tại cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 246 lô 9 mở rộng, Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng	-	-	-	
8.6	Phạm Văn Mạnh	Chồng của Bà Lê Thị Hương	Số CMND 031083001544 Cấp ngày 25/02/2015 tại cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 22/70 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng	-	-	-	
8.7	Phạm Gia Hân	Con gái của Bà Lê Thị Hương	Còn nhỏ chưa làm CMND	Số 22/70 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng	-	-	-	
8.8	Phạm Mạnh Trường	Con trai của Bà Lê Thị Hương	Còn nhỏ chưa làm CMND	Số 22/70 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng	-	-	-	
8.9	Lê Trung Sơn	Anh rể của Bà Lê Thị Hương	Số CMND 031080001001 Cấp ngày 27/02/2015 tại cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 246 lô 9 mở rộng, Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng	-	-	-	
9	Đỗ Thị Thanh Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	Số CMND: 031938068; ngày cấp 02/07/2012; Nơi cấp: Công an Hải Phòng	9/26 – Trung Hành 5 – Đằng Lâm – Hải An – Hải Phòng.	-	-	-	
9.1	Lê Thị Vùng	Mẹ của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp	Không còn CMND	Số 5/141 Đường Đằng Hải – Phường Đằng – Quận Hải An – Hải Phòng	-	-	-	
9.2	Nguyễn Phú Ngọc	Bố chồng của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp		Thôn Hà Phương – Xã Thắng Thủy – Huyện Vĩnh Bảo – Hải Phòng	-	-	-	

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
9.3	Đào Thị Vĩnh	Mẹ chồng của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp		Thôn Hà Phương – Xã Thắng Thủy – Huyện Vĩnh Bảo – Hải Phòng	-	-	-	
9.4	Nguyễn Phú Võ	Chồng của Đỗ Thị Thanh Diệp	Số CMND: 030805300; ngày cấp 01/10/2002; Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 26/15 Đường Lực Hành – Đăng Lâm – Hải An – Hải Phòng.	-	-	-	
9.5	Nguyễn Phú Thành	Con trai của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp	Số CMND: 031200002222; ngày cấp 06/7/2015, Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 26/15 Đường Lực Hành – Đăng Lâm – Hải An – Hải Phòng.	-	-	-	
9.6	Nguyễn Thị Phương Mai	Con gái của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp	Còn nhỏ	Số 26/15 Đường Lực Hành – Đăng Lâm – Hải An – Hải Phòng.	-	-	-	
9.7	Đỗ Thị Hiền	Chị gái của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp	Số CMND: 125614686; ngày cấp 31/3/2011; Nơi cấp: Công an Bắc Ninh	Khu tập thể nhà máy xay Đáp Cầu – Bắc Ninh	-	-	-	
9.8	Đỗ Thị Lành	Chị gái của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp	Số CMND: 030902729; ngày cấp 02/12/2009; Nơi cấp: Công an Hải Phòng	89 Đình Đông, Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	
9.9	Đỗ Thị Nhàn	Chị gái của Đỗ Thị Thanh Diệp	Số CMND: 011923578; ngày cấp 16/11/2010; Nơi cấp: Công an Hà Nội	Số 7 Ngách 117 Ngõ 562 Đường Láng - Hà Nội	-	-	-	
9.10	Đỗ Văn Bình	Anh trai của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp	Số CMND: 031065000120; ngày cấp: 25/7/2014; Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 5/141 Đường Đăng Hải - Phường Đăng Hải, Quận Hải An, Hải Phòng	-	-	-	
9.11	Nguyễn Sĩ Hán	Anh rể của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp		Khu tập thể nhà máy xay Đáp Cầu – Bắc Ninh	-	-	-	

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
9.12	Nguyễn Văn Khoát	Anh rể của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp		Số 89 đường Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng	-	-	-	
9.13	Hoàng Văn Hùng	Anh rể của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp		Số 7 Ngách 117 Ngõ 562 Đường Láng - Hà Nội	-	-	-	
9.14	Nguyễn Thị Lan Hương	Chị dâu của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp		Số 5/141 Đường Đằng Hải - Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Hải Phòng	-	-	-	
10	Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên Ban Kiểm soát	CMND số 031089002169 cấp ngày 22/09/2015 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	6/1C/174 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng	-	-	-	
10.1	Nguyễn Văn Khiêm	Bố đẻ của Ông Nguyễn Minh Hoàng	CCCD số 031050003129 cấp ngày 01/11/2019 tại Cục Cảnh sát QL HC về Trật tự Xã hội	6/1C/174 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng	-	-	-	
10.2	Hoàng Thị Thảo Hương	Mẹ đẻ của Ông Nguyễn Minh Hoàng	CMND số 030231176 cấp ngày 29/07/2009 tại Công an Hải Phòng	6/1C/174 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng	-	-	-	
10.3	Đỗ Văn Tám	Bố vợ của Ông Nguyễn Minh Hoàng	CMND số: 130835531 cấp ngày 14/02/2011 tại Công an Phú Thọ	Gia Cẩm, Việt Trì, Phú Thọ	-	-	-	
10.4	Đoàn Thị Lý	Mẹ vợ của Ông Nguyễn Minh Hoàng	CMND số: 130062620 cấp ngày 14/02/2011 tại Công an Phú Thọ	Gia Cẩm, Việt Trì, Phú Thọ	-	-	-	
10.5	Nguyễn Thị Hoài Giang	Chị gái Ông Nguyễn Minh Hoàng	CMND số 031794936 cấp ngày 29/07/2009 tại Công an Hải Phòng	5/32/193 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng	-	-	-	
10.6	Đỗ Thị Thu Thùy	Vợ Ông Nguyễn Minh Hoàng	CMND số 132024725 cấp ngày 09/01/2016 tại Công an Phú Thọ	6/1C/174 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng	-	-	-	

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
10.7	Nguyễn Đỗ Gia Linh	Con trai của Ông Nguyễn Minh Hoàng	Còn nhỏ chưa làm CMND	6/1C/174 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng				
10.8	Nguyễn Đỗ Thành Vũ	Con trai của Ông Nguyễn Minh Hoàng	Còn nhỏ chưa làm CMND	6/1C/174 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng				
10.9	Phạm Đặng Hải	Anh rể của Ông Nguyễn Minh Hoàng	CMND số 031041844 cấp ngày 11/7/2012 tại Công an Hải Phòng	5/32/193 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng	-	-	-	
11	Đinh Xuân Hà	Trưởng Ban Thư ký, Người được ủy quyền công bố thông tin	CCDC số 031082007855, Ngày cấp 09/11/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phòng 302, Lô L7-B9, Chung cư Hoàng Huy, An Đông, An Dương, Hải Phòng	33.800 CP	-	0,046 %	
11.1	Đinh Xuân Thắng	Bố đẻ của Ông Đinh Xuân Hà	CMND số 031056004679, Ngày cấp 12/8/2020, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Đại Đông, phường Hải Sơn, Hải Phòng	-	-	-	
11.2	Lê Thị Bé	Mẹ đẻ của Ông Đinh Xuân Hà	CMND số 031059004811, Ngày cấp 05/08/2020, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Đại Đông, phường Hải Sơn, Hải Phòng	-	-	-	
11.3	Nguyễn Duy Viên	Bố vợ của Ông Đinh Xuân Hà	CMND số 031054000476, Ngày cấp: 07/4/2015; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 94 Nguyễn Hữu Cầu, Đồ Sơn, Hải Phòng	-	-	-	
11.4	Đào Thị Côi	Mẹ vợ của Ông Đinh Xuân Hà	CMND số 030482345, Ngày cấp: 21/8/2012; Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 94 Nguyễn Hữu Cầu, Đồ Sơn, Hải Phòng	-	-	-	

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số CP của cá nhân sở hữu cuối kỳ	Số CP đại diện sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
11.5	Đình Xuân Toàn	Anh trai của Ông Đình Xuân Hà	CMND số 030997289, Ngày cấp 13/10/2009; Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 84, Lý Thánh Tông, Hải Sơn, Đồ Sơn, Hải Phòng	2.000 CP	-	0,0027 %	
11.6	Nguyễn Thị Kim Dung	Vợ của Ông Đình Xuân Hà	CMND số 031182002935, Ngày cấp 19/11/2015, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Đại Đồng, phường Hải Sơn, Hải Phòng	8.700 CP	-	0,0117 %	
11.7	Đình Xuân Phú Hưng	Con trai của Ông Đình Xuân Hà	Còn nhỏ	TDP Đại Đồng, phường Hải Sơn, Hải	-	-	-	
11.8	Đình Xuân Khôi Nguyễn	Con trai của Ông Đình Xuân Hà	Còn nhỏ	TDP Đại Đồng, phường Hải Sơn, Hải	-	-	-	
11.9	Phạm Thị Tuyên	Chị dâu của Ông Đình Xuân Hà	Số CCCD: 031189005741, Ngày cấp: 06/9/2018; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 84, Lý Thánh Tông, Hải Sơn, Đồ Sơn, Hải Phòng	1.200 CP	-	0,0016 %	
12	Lã Thị Thu Huyền	Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán, Thành viên Ban Thư ký Công ty	CMND số 031571677 do công an Hải Phòng cấp ngày 09/11/2011	Số 17B/186 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng	7.100 CP	-	0,01%	
12.1	Lã Văn Biển	Bố đẻ của Bà Lã Thị Thu Huyền	CMND số 031060000180, Ngày cấp: 28/7/2014; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 17B/186 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng	6.000 CP	-	0,008 %	
12.2	Phạm Thị Hằng	Mẹ đẻ của Bà Lã Thị Thu Huyền	CMND số 030120689; Ngày cấp: 28/4/2010; Nơi cấp: Công an Hải Phòng	Số 17B/186 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng	-	-	-	

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Việt Cường

